

XÂY DỰNG PHƯƠNG PHÁP HỌC CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

• Huỳnh Mộng Tuyền^(*)

Tóm tắt

Bài viết làm rõ những tư tưởng, quan điểm, học thuyết, xu hướng, nguyên tắc dạy học hiện đại làm nền tảng khoa học vững chắc cho phương pháp học; những ưu điểm và hạn chế trong nhận thức và sử dụng phương pháp học của sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp hiện nay. Xuất phát từ cơ sở lý luận và thực tiễn, hệ thống phương pháp học được xây dựng để đào tạo, bồi dưỡng cho sinh viên là phương pháp thu thập, xử lý thông tin; phương pháp lập và thực hiện kế hoạch học tập; phương pháp thể hiện kết quả học tập; phương pháp tự kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập. Các phương pháp học được làm rõ khái niệm, quy trình, yêu cầu về thủ thuật, kỹ thuật thực hiện.

Từ khóa: Đại học Đồng Tháp, phương pháp học, sinh viên.

1. Đặt vấn đề

Phương pháp quyết định hiệu quả hoạt động, sự phát triển, khẳng định bản sắc, thương hiệu của cá nhân, tập thể, dân tộc. Theo Hegel: “Phương pháp là sức mạnh tuyệt đối, duy nhất, tối cao, vô cùng tận, không một vật nào cưỡng lại được” [6]. Trong các phương pháp, phương pháp học (PPH) là phương pháp của mọi phương pháp, nguồn gốc của sự phát triển nhân cách con người, của chất lượng giáo dục. Thế nhưng, PPH là gì, có bao nhiêu PPH, các chủ thể học tập đã sử dụng có hiệu quả các PPH chưa? Câu hỏi khó trả lời đối với tất cả sinh viên (SV) nói chung, và SV Trường Đại học Đồng Tháp nói riêng. Cho nên xây dựng hệ thống PPH khoa học là nhu cầu cấp thiết để nâng cao đào tạo, bồi dưỡng SV trong xã hội bùng nổ thông tin, khoa học kỹ thuật, khẳng định thương hiệu của Trường Đại học Đồng Tháp.

2. Cơ sở xây dựng các PPH cho SV Trường Đại học Đồng Tháp

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Tư tưởng, quan điểm nền tảng của PPH

Có nhiều tư tưởng, quan điểm về tầm quan trọng phương pháp, vai trò của phương pháp trong phát huy tối đa các yếu tố hoạt động học. Theo Hegel: phương pháp là “chiếc la bàn, là bánh lái chỉ phương hướng và cách thức hành động” [6]. “Tri thức về phương pháp là kiến thức siêu kiến thức trong việc hình thành phẩm chất khoa học cho SV cũng như trong việc đánh giá kết quả đào tạo” [7]. “Phương pháp không phải là hình thức bên ngoài

mà chính là linh hồn và khái niệm của nội dung”, “Phương pháp là sự vận động của nội dung” [6]. Theo Descartes: “Không có phương pháp, người tài cũng mắc lỗi, có phương pháp người bình thường cũng có thể làm được những việc phi thường”... Cho nên, theo Giáo sư Phan Trọng Luận: “Bài toán về phương pháp đào tạo, phương pháp dạy học cần được tiến hành như cuộc cách mạng trong giáo dục”. Chính đổi mới phương pháp quyết định thành công mọi sự đổi mới của quá trình giáo dục. Tầm quan trọng này đã được Hegel khẳng định: “Phương pháp là sức mạnh tuyệt đối, duy nhất, tối cao, vô cùng tận, không một vật nào cưỡng lại được” [6]. Giáo sư Nguyễn Quang Uẩn đã chỉ ra rằng: “Đổi mới phương pháp trong trường sư phạm tạo nên hiệu ứng lan tỏa trong toàn bộ hệ thống, đổi mới phương pháp nên được bắt đầu từ trường sư phạm”, đặc biệt là đổi mới PPH cho SV sư phạm.

2.1.2. Các học thuyết, xu hướng, nguyên tắc làm cơ sở khoa học của PPH

Có nhiều học thuyết, xu hướng, nguyên tắc của dạy học hiện đại đặt nền tảng khoa học cho PPH như: Lý thuyết hoạt động (cấu trúc, vai trò hoạt động quyết định sự phát triển nhân cách); Lý thuyết đa dạng trí thông minh của Ganer (mỗi người học khả năng, PPH riêng...); Thuyết sư phạm tương tác (vai trò bộ máy học trong sự tương tác để tạo nên hiệu quả sự phát triển người học); Thuyết kiến tạo (người học tự thiết kế năng lực, phẩm chất). Đặc biệt là xu hướng dạy học lấy người học làm trung tâm, lấy hoạt động học, PPH làm trung tâm; dạy học phân hóa (mỗi SV có đặc điểm, PPH riêng để phát triển khả năng, giá trị riêng để họ thật sự được hạnh phúc trong học tập, công việc, cuộc sống).

^(*) Trường Đại học Đồng Tháp.

Thực hiện các nguyên tắc dạy học: đảm bảo thống nhất giữa lý luận với thực tiễn; đảm bảo thống nhất giữa tính vừa sức chung với tính vừa sức riêng trong dạy học; đảm bảo thống nhất giữa vai trò chủ đạo của giảng viên (GV) với tính tích cực độc lập, sáng tạo của SV; chuyển từ dạy học sang tự học... Người GV thực hiện quá trình học dạy để SV tự học, tự làm thầy, tự phát triển, xã hội hóa bản thân suốt đời để đáp ứng yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp.

2.2. Cơ sở thực tiễn

Năm 2015, chúng tôi khảo sát 309 SV, 100 cán bộ quản lý chuyên môn và GV về PPH. Kết quả thu được như sau:

- SV Trường Đại học Đồng Tháp chưa nhận thức đúng về PPH. Còn một bộ phận khá lớn SV học đôi phó theo yêu cầu GV (xếp thứ bậc 1; mức độ trung bình 3.54); học để kiểm tra, thi (xếp thứ bậc 2; điểm trung bình 3.16); và học PPH (xếp thứ 3; điểm trung bình là 3.04).

- Việc sử dụng các PPH của SV chủ yếu đạt mức trung bình yếu. Tiêu biểu như phương pháp thu thập và xử lý thông tin trong học tập của SV đạt được như sau: Phương pháp đọc sách đạt mức 2.46 (GV, CBQL), 2.32 (SV); Phương pháp lắng nghe đạt 3.06 (GV, CBQL), 3.01 (SV); Phương pháp hỏi đạt mức 2.81 (GV, CBQL), 2.93 (SV); Phương pháp thống kê số liệu học tập đạt 2.81 (GV, CBQL) và 2.15 (SV)....

- SV đạt mức trung bình yếu trong nhóm phương pháp thể hiện kết quả học tập qua viết: Xác định từ khóa của đề tài học tập, đề thi, đề kiểm tra đạt mức 2.90 (GV, CBQL), 2.94 (SV); Xây dựng đề cương đạt 3.21 (GV, CBQL), 2.96 (SV); Xác định luận đề, luận điểm, luận chứng, luận cứ đạt mức 2.87 (GV, CBQL), 2.06 (SV); Viết theo logic chặt chẽ của luận đề, luận cứ lý luận, luận cứ thực tiễn thuyết phục 2.75 (GV, CBQL), 2.00 (SV)...

- SV thể hiện kết quả học tập qua nói, thực hành còn hạn chế, đạt mức trung bình yếu các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

PPH giữ vai trò vô cùng quan trọng trong việc tạo nên hiệu quả học, sự phát triển bền vững nhân cách SV. Thế nhưng, SV chưa nhận thức đúng tầm quan trọng đặc biệt của PPH, sử dụng các PPH chủ yếu đạt mức trung bình yếu. Lý luận và thực tiễn trên cấp thiết cần xây dựng hệ thống PPH để đào tạo, bồi dưỡng cho SV sự phạm.

3. Xây dựng các PPH cho SV Trường Đại học Đồng Tháp

3.1. Khái niệm và phân loại PPH

PPH là hệ thống những hành động có chủ đích, theo một trình tự, kỹ thuật nhất định của SV thực hiện hoạt động học để chiếm lĩnh nội dung nhằm đạt được mục tiêu học.

Dựa vào các cơ sở khác nhau, PPH được chia nhiều loại. Nguyễn Văn Đản dựa vào nguồn tri thức chia PPH ra 4 nhóm chính: PPH với nguồn tri thức là lời nói; PPH với nguồn tri thức là văn bản (chữ viết); PPH với nguồn tri thức là phương tiện trực quan; PPH với nguồn tri thức là bài tập giải quyết vấn đề. Từ 71 mô hình phong cách học tập Coffield, Hồ Thị Hồng Vân nghiên cứu vận dụng vào Việt Nam có 4 kiểu phong cách học tập: kiểu nghe; vận động; kiểu nhìn; đọc viết. Tương ứng với mỗi kiểu phong cách có những PPH phù hợp [8]. Dựa vào thuyết xử lý thông tin; bộ máy học trong “Sự phạm tương tác”, đa dạng trí thông minh của Ganer, sự phạm hứng thú, sự phạm thành công... chúng tôi chia PPH thành 4 nhóm cơ bản: phương pháp thu thập và xử lý thông tin (Quan sát, đọc, nghe, hỏi, phân tích, tổng hợp, phán đoán, suy luận...); phương pháp lập và thực hiện kế hoạch học tập; phương pháp thể hiện kết quả học tập qua viết, nói, thực hành; phương pháp tự kiểm tra, đánh giá hoạt động học.

3.2. Các PPH cơ bản

3.2.1. Phương pháp thu thập và xử lý thông tin học tập

a. Phương pháp thu thập thông tin

Quan sát: phương pháp thu thập thông tin về đối tượng bằng cách tri giác trực tiếp đối tượng và các nhân tố khác có liên quan. *Quy trình quan sát:* xác định mục tiêu, yêu cầu quan sát; thiết lập các tiêu chí và công cụ hỗ trợ quan sát; quan sát và ghi chép thông tin; kiểm tra và xử lý thông tin quan sát; đánh giá quá trình quan sát. *Yêu cầu sử dụng:* đảm bảo tính tự nhiên; có mục tiêu rõ ràng, có giả thuyết; được trang bị về lý luận và thực tiễn; có hệ thống các vấn đề, câu hỏi; sử dụng tốt các loại quan sát; có những phương tiện, điều kiện quan sát; xác định điểm nhìn...

Đọc sách: cách thức làm việc của chủ thể tiến hành quá trình chuyển dạng thức chữ viết sang lời nói có âm thanh hay các đơn vị nghĩa không có âm

thanh nhằm thông hiểu, chiếm lĩnh tri thức khoa học, kinh nghiệm xã hội và giá trị văn hoá được thể hiện trong sách. *Quy trình đọc sách*: xác định mục tiêu, yêu cầu đọc sách; tra cứu tài liệu; chọn sách; sử dụng các phương pháp đọc sách: đọc lướt, đọc nhanh, đọc kỹ, trích ghi, ghi nhớ; lưu trữ kết quả đọc sách. *Yêu cầu sử dụng*: có niềm tin, tình cảm, nhu cầu, hứng thú, khát vọng chinh phục đỉnh cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; làm chủ các phương pháp, thủ thuật đọc sách (tra cứu, đọc lướt, đọc nhanh, đọc kỹ...), bằng cách học từ sách, trong thực tiễn; trải nghiệm các phương pháp, thủ thuật đọc sách thường xuyên; luôn rút kinh nghiệm để đạt hiệu quả đọc sách cao hơn.

Lắng nghe: cách SV giải mã sóng âm thanh thành ngữ nghĩa và hồi đáp trong học tập. *Quy trình lắng nghe*: tiếp nhận sóng âm, giải mã sóng âm thành ngữ nghĩa, hồi đáp, ghi nhớ, vận dụng. *Yêu cầu lắng nghe hiệu quả*: SV cần thường xuyên nâng cao kiến thức, trau dồi kỹ năng lắng nghe; kết hợp nhiều cách lắng nghe; môi trường, không gian nghe phải phù hợp với nội dung nghe, đúng lúc, đúng chỗ, đúng đối tượng, tốc độ, cường độ, âm thanh, ánh sáng, khoảng cách phù hợp...

Đặt và trả lời câu hỏi: quá trình SV đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ cho đối tượng với mong muốn giải quyết, đáp lại và có hình thức là câu nghi vấn. *Trả lời câu hỏi*: quá trình SV thu thập, xử lý thông tin để giải quyết yêu cầu câu hỏi đặt ra. *Quy trình đặt và trả lời câu hỏi*: để đạt kết quả học tập mới SV cần đặt câu hỏi và tìm trả lời; huy động và sàng lọc thông tin, kiến thức từ trí nhớ, đọc tài liệu, quan sát, lắng nghe...; xây dựng dàn ý cho sự trả lời và thiết kế câu hỏi cho những vấn đề chưa trả lời được; ghi nội dung chưa trả lời được thành hệ thống; trả lời câu hỏi và nêu câu hỏi trên dàn ý đã đề ra ở bước 3 thông qua: viết, nói, hành động, sản phẩm...; kiểm tra, đánh giá hiệu quả đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi đã thực hiện để rút kinh nghiệm và hoàn thiện hơn ở lần sau. *Yêu cầu sử dụng*: SV cần nghiên cứu để hiểu các loại câu hỏi, kỹ năng hỏi, quy trình đặt câu hỏi, tiêu chuẩn, tiêu chí câu hỏi và trả lời hiệu quả; cách hỏi những câu hỏi thông minh của con người trong sách và thực tiễn; xem xét vấn đề, suy nghĩ chín chắn rồi mới hỏi và trả lời; dùng ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ để trình bày câu hỏi và câu trả lời tạo thiện cảm, ấn tượng. Khi hỏi và trả lời

câu hỏi của người khác, SV phải thể hiện thiện chí, sự khiêm tốn, tôn trọng đối tượng hỏi, thái độ cầu thị học hỏi. SV cần chú ý lắng nghe, quan sát đối tượng trong quá trình hỏi và trả lời câu hỏi để có thể điều chỉnh phù hợp.

b. Phương pháp xử lý thông tin

Phân tích thông tin: chia tách thông tin ban đầu (thông tin dạng “thô” mang tính tổng quát) thành các thông tin nhỏ hơn để tìm hiểu sâu hơn, kỹ càng hơn trên cơ sở nhìn nhận thấu đáo về toàn bộ thông tin ban đầu.

Tổng hợp thông tin: thao tác tư duy nhằm phát hiện ra mối liên hệ giữa các mặt, các bộ phận của sự vật, hiện tượng, trên cơ sở đó hình dung được cả chỉnh thể sự vật, hiện tượng.

So sánh thông tin: cách đặt 2 đối tượng cạnh nhau hoặc dựa trên những điều đã biết về chúng để tìm ra điểm giống và khác nhau. *Hệ thống hóa*: việc SV vận dụng các thao tác để sắp xếp thông tin vào những trật tự logic, chặt chẽ làm cho thông tin trở nên hệ thống.

Phân đoán: khẳng định hoặc phủ định những thuộc tính, tính chất, mối quan hệ nào đó của đối tượng.

Thống kê: phương pháp SV dùng các phép toán, phần mềm để xử lý thông tin học tập chủ yếu về định lượng. *Quy trình xử lý số liệu bằng các phép toán thống kê*: hệ thống các câu hỏi (nội dung), lựa chọn thang đo (mức độ, tỉ số,...); làm sạch số liệu (loại bỏ những số liệu không đầy đủ, không đáng tin cậy,...); áp dụng các kỹ thuật để tính toán; lập các biểu bảng, phân tích, giải thích, đánh giá,...

Trên nền tảng thu thập, xử lý để có thông tin đầy đủ, tinh hoa, hiện đại, có độ tin cậy cao, SV lập và thực hiện kế hoạch học tập.

3.2.2. Nhóm phương pháp lập và thực hiện kế hoạch học tập

a. Lập kế hoạch học tập

Lập kế hoạch học tập: hành động thiết kế các mục tiêu học tập cần đạt và các hoạt động cần tiến hành theo một lịch trình khoa học với các dự kiến nguồn lực, thời hạn, biện pháp cụ thể để đạt mục tiêu đó.

Các bước lập kế hoạch học tập: xác định mục tiêu: dựa trên chuẩn nghề, hệ thống phẩm chất năng lực cần đạt, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, SV xác định mục tiêu học tập chung và cụ thể, mục

tiêu phải rõ ràng và cụ thể, dễ dàng định lượng kết quả thực hiện; xác định nội dung, công việc học tập cần thực hiện: SV cần có tầm nhìn để hình dung tổng thể khối lượng công việc suốt quá trình học đại học; lập danh sách ưu tiên: liệt kê tất cả các hoạt động tự học theo các mức độ: quan trọng và khẩn cấp, quan trọng nhưng không khẩn cấp, không quan trọng nhưng khẩn cấp, không quan trọng và không khẩn cấp; lập kế hoạch và thời khoá biểu chi tiết: hệ thống công việc theo thứ tự ưu tiên với vai trò chủ thể hoạt động học, không gian, thời gian, điều kiện, phương tiện phù hợp; dự kiến đánh giá việc thực hiện kế hoạch: tiêu chí đánh giá, công cụ, phương pháp, hình thức, thời gian... đánh giá.

Cùng với kế hoạch học tập chung, SV cần lập kế hoạch học tập, nghiên cứu cụ thể: xác định vấn đề, tên đề tài, lập đề cương nghiên cứu (mục tiêu, đối tượng và khách thể, giả thuyết khoa học, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, dự kiến đề cương cho nội dung nghiên cứu cụ thể...), kế hoạch tổ chức thực hiện nghiên cứu, báo cáo, công bố kết quả.

Yêu cầu khi sử dụng: SV cần có đầy đủ các thông tin về quá trình đào tạo: chuẩn đầu ra, nội dung chương trình đào tạo, quá trình dạy học của GV...; xác định điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức đặt ra cho việc học tập của bản thân, nguồn lực thực hiện học tập...; lập kế hoạch cần rõ ràng, cụ thể, khả thi, vừa sức với cá nhân; dự kiến các sự việc phát sinh không thực hiện đúng kế hoạch, xử lý các tình huống xảy ra trong thực tiễn; kế hoạch cần mềm dẻo, linh hoạt, điều chỉnh phù hợp vận động thực tiễn; SV cần nỗ lực, kiên định thực hiện kế hoạch đặt ra.

c. Thực hiện kế hoạch học tập

Thực hiện kế hoạch học tập là sự thể hiện tất cả dự kiến của kế hoạch thành hành động, hoạt động thực hiện nội dung nhằm đạt mục tiêu học tập. *Yêu cầu sử dụng:* SV nắm vững nội dung kế hoạch, nội tâm hóa kế hoạch đặt ra; công khai, công bố kế hoạch học tập: trao đổi kế hoạch học tập với người thân, bạn thân... dán kế hoạch ở vị trí phù hợp để SV thường xuyên nhìn thấy; huy động sức mạnh nội lực thực hiện: đề cao ý thức, ý chí vượt qua khó khăn của bản thân, hoàn cảnh, quyết tâm, kiên định thực hiện kế hoạch. SV nhờ người thân nhắc nhở, lưu những công việc quan trọng vào điện thoại để nhắc nhở...; tranh thủ ngoại lực thực

hiện kế hoạch: thiết lập mối quan hệ tốt với thầy cô, bạn bè... để được hỗ trợ tài liệu, phương tiện, điều kiện, học hỏi kiến thức, kinh nghiệm, trí tuệ, sự sáng tạo... nhiều người; tranh thủ, sắp xếp, sử dụng thời gian hợp lý, hiệu quả, thể hiện tác phong nhanh nhẹn trong mọi công việc, hoạt động học tập; chú ý phương pháp, thủ thuật thực hiện hoạt động học tập tiện ích, hiệu quả nhất: ít tốn thời gian, công sức, chi phí, phương tiện...; xử lý tốt các sự việc ngoài dự kiến, các tình huống phát sinh, luôn có sự bổ sung, bù khuyết cho bản kế hoạch cụ thể của mình; thường xuyên kiểm tra, đánh giá tiến độ, phương pháp, mục tiêu, hiệu quả... thực hiện kế hoạch, tìm nguyên nhân và luôn có biện pháp cải tiến, đổi mới việc thực hiện kế hoạch.

3.2.3. Phương pháp thể hiện kết quả học tập

a. Phương pháp thể hiện kết quả học tập qua viết

Viết: cách thức để SV lưu giữ, truyền, thể hiện kết quả học tập qua các mã hiệu và ký tự ngôn ngữ được sử dụng. Viết là một phương pháp quan trọng được SV sử dụng để ghi nhận kết quả khi đọc tài liệu, nghe giảng trên lớp, thể hiện bài kiểm tra, bài thi, tiểu luận, khóa luận, luận văn, báo cáo nghiên cứu...

Quy trình thực hiện: SV cần trả lời các câu hỏi: Viết để làm gì? Viết về nội dung, thông điệp chính là gì? Viết cho ai? Viết như thế nào?... SV cần xác định chủ đề, từ khóa, phân tích rõ các thuật ngữ, khái niệm liên quan đến chủ đề; xây dựng đề cương: hợp logic, xác định luận đề, luận điểm, luận chứng, luận cứ đúng với văn phong viết; thu thập và xử lý thông tin nhiều nguồn: quan sát thực tế, đọc sách, lắng nghe, phỏng vấn, điều tra... Nhiều thông tin thu được cần được xử lý để có được thông tin tinh, khoa học, hiện đại. SV thực hiện viết theo những chiến thuật, đề cương định hướng; kiểm tra bài viết (tự kiểm tra, tham khảo bạn bè, thầy cô) loại bỏ những nội dung không cần thiết, chỉnh sửa lỗi chính tả, lỗi đánh máy, lỗi kỹ thuật trình bày... và hoàn chỉnh bài viết; rút kinh nghiệm sau khi bài viết được đánh giá kết quả.

Yêu cầu sử dụng: SV cần có kiến thức, kinh nghiệm, làm chủ vấn đề viết; hoạch định chiến lược, thủ thuật viết, chinh phục người đọc. SV cần chú ý viết mở bài toát lên được nội dung, thông điệp chính, tạo ấn tượng cho người đọc. Câu chủ đoạn cần được làm rõ nội dung của đoạn theo định hướng

chủ đề. Khi viết, SV chú ý chuyển đoạn, logic nối kết các đoạn làm nổi bật chủ đề. Kết thúc bài viết, SV cần khái quát hóa, chốt lại nội dung chính, thông điệp chính với hình thức thể hiện ngắn gọn, súc tích, ấn tượng; SV phải có năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng chính xác các thuật ngữ; viết đúng cấu trúc ngữ pháp, chính tả...; Chú thích trích dẫn; sử dụng font chữ, cỡ chữ, cách dòng, canh lề trái, phải, trên, dưới, chèn số trang... theo quy định cụ thể của loại văn bản, đối tượng đọc; SV thường xuyên cập nhật thông tin, tự kiểm tra, đánh giá bài viết, xin ý kiến góp ý bạn bè, thầy cô... để hoàn thiện bài viết.

b. Phương pháp thể hiện kết quả học tập qua nói (thuyết trình)

Phương pháp nói: cách thức biểu đạt bằng lời nói, cách thể hiện qua khẩu ngữ, hành vi phi ngôn ngữ để truyền đạt thông tin, biểu đạt tư tưởng, tình cảm một cách chính xác, sinh động, có sức thuyết phục.

Các bước thực hiện:

Chuẩn bị: trên cơ sở nắm chắc đối tượng, bài viết đã hoàn thành, SV lập đề cương cho bài nói, xác định logic nội dung (luận đề, luận điểm, luận cứ). Bài nói nên sử dụng từ khóa; tiêu đề chính và những ý quan trọng; hình thức trình bày: bài nói nên được trình bày bằng powerpoint dưới dạng sơ đồ ý hoặc sơ đồ tư duy, SV nên thiết kế bài thuyết trình bằng powerpoint với màu sắc dễ nhìn (màu cơ bản trắng - xanh dương, trắng - xanh lá), màu sắc không quá tương phản; kiểu chữ không chân (tốt nhất là Arial), dùng chữ viết thường, cỡ chữ to rõ, sử dụng hình ảnh minh họa phù hợp với nội dung, hình có chiều sâu và có thể nói bằng hình; SV cần chuẩn bị các số liệu thống kê để minh họa cho các ý kiến đưa ra: giai thoại, câu trích dẫn, một số câu chuyện vui, lời nói đùa để đưa vào trong lúc nói phù hợp; sử dụng các phương tiện: máy chiếu, tranh ảnh, vật thật, mô phỏng, các công cụ, phương tiện để chuyển tải nội dung nói của mình hiệu quả nhất, dự kiến sử dụng các phương tiện đó trong quá trình thuyết trình như thế nào hiệu quả nhất...; hình thức thể hiện khi trình bày: ăn mặc, trang sức, trang điểm phù hợp, đi đứng (đứng ở vị trí nào phù hợp, di chuyển như thế nào hiệu quả...), nét mặt (nhìn người nghe, miệng tươi cười khi cần thiết, điệu bộ, cử chỉ (tay nên cử động như thế nào cho phù hợp,

hỗ trợ cho lời nói...); giọng điệu trầm ấm với cung bậc phù hợp...; SV tập dượt thuyết trình: thể hiện nội dung với hình thức, phương pháp, phương tiện dự kiến... tự hoàn thiện dần qua quá trình tập, rút kinh nghiệm của bản thân và nhờ sự góp ý của bạn bè, thầy cô. Đặc biệt, SV chú ý truyền đạt nội dung thông điệp chính, nét mặt biểu cảm, điệu bộ, cử chỉ phù hợp, giọng nói thu hút người nghe.

Thực hiện thuyết trình: mở đầu, SV nên bắt đầu bằng nụ cười tươi chào mọi người, cách xưng hô được căn cứ vào độ tuổi, vị trí xã hội của người nghe; nội dung trình bày cần ngắn gọn, súc tích (súc tích là linh hồn của sự thông thái) mang thông tin của chủ đề, nêu ví dụ thực, cụ thể; chỉ có thể trình bày quan điểm theo kết quả khảo sát, thống kê, nghiên cứu; cẩn thận khi đưa ý kiến cá nhân, khi phê phán; không nên “vơ đũa cả nắm”, nhất là những điều tiêu cực, phong cách trình bày càng dân chủ và rộng lượng thì càng hấp dẫn; sử dụng các bí quyết giữ bình tĩnh, vẻ mặt, ánh mắt thân thiện, thoải mái, mắt nhìn thẳng, giao tiếp và bao quát với mọi người; tư thế bình thường, thả lỏng, tự tin nhưng khiêm tốn, sẵn sàng lắng nghe các ý kiến phản hồi, chỗ đứng cần nhìn thấy nhau và quản lý được máy chiếu, SV không nên đứng một chỗ, hoặc di chuyển quá nhiều, giọng nói vừa phải, nhấn vào từ quan trọng nhất trong câu; mức độ chú ý của người nghe giảm dần về cuối buổi thuyết trình nên có thể tăng giọng nói lên, trong khi thuyết trình, SV phải quan sát, có biện pháp duy trì sự chú ý của người nghe.

Đánh giá kết quả thuyết trình: sau khi thuyết trình nên dành thời gian để cho người nghe hỏi và trả lời các câu hỏi, thắc mắc. Nếu có đánh giá thì cần thiết kể các phiếu đánh giá hoặc trực tiếp nghe những phản hồi để cải thiện thuyết trình lần sau.

Yêu cầu sử dụng: SV nắm vững, làm chủ nội dung, phương pháp, hình thức thuyết trình; chú ý phát âm chuẩn, các đặc trưng về cao độ (giọng cao, thấp), trường độ (dài, ngắn) và cường độ (mạnh, yếu). SV cần tập phát âm chính xác các từ khó phát âm, ảnh hưởng phương ngữ và nên lấy tiếng phổ thông của một quốc gia làm chuẩn; kết hợp ngôn ngữ bằng lời và ngôn ngữ không lời (ngôn ngữ cơ thể): cử chỉ điệu bộ, nụ cười, ánh mắt, tay, vai...; phải thể hiện và có thái độ trân trọng đối với người nghe, khi nói sử dụng ngôn từ chính xác, rõ ràng,

đễ hiểu, sinh động, cụ thể, gần gũi, nhã nhặn, lịch sự, phù hợp bối cảnh, phù hợp đối tượng, hướng vào đối tượng, kết hợp yếu tố phi ngôn từ, phối hợp khéo léo với các yếu tố minh họa; đáp ứng nhu cầu cụ thể của người nghe; đảm bảo đúng thời gian dự kiến, quy định; thực hiện thuyết trình cả bằng tài, đức, nội dung, hình thức, lý luận và thực tiễn... bằng cả con người: hội tụ nhiều phẩm chất, năng lực liên quan đến chủ đề thuyết trình.

c. Phương pháp thể hiện kết quả học tập qua thực hành

Thực hành: những thao tác vận dụng kiến thức đã tiếp thu vào việc giải quyết những tình huống, những vấn đề cụ thể thực tiễn để hình thành kỹ năng. Việc thực hành thể hiện qua các bài tập sau khi học lý thuyết, các tiết thí nghiệm, trải nghiệm thực tiễn... Từ đó, SV hoàn thiện và vận dụng hiểu biết, kỹ thuật; hình thành và rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo lao động, phát triển tư duy, năng lực thực tiễn; rèn luyện tác phong lao động, hợp tác, độc lập sáng tạo, giải quyết vấn đề, vệ sinh môi trường. SV được hoạt động, trải nghiệm để khắc sâu lý thuyết và để thành thạo kỹ năng nghề. Căn cứ theo nội dung có thực hành nhận biết, thực hành khảo sát, thực hành kiểm nghiệm và thực hành theo quy trình...

Quy trình thực hiện: xác định mục tiêu, nhiệm vụ, các tiêu chuẩn chất lượng (kỹ thuật, thời gian...); chuẩn bị dụng cụ, vật liệu thực hành; quan sát quá trình thực hành cụ thể (mẫu thực hiện); làm lại và giải thích. Thầy cô, bạn bè kiểm tra, điều chỉnh các thao tác của SV; độc lập luyện tập hình thành kỹ năng; trình diễn việc thực hiện để được (thầy cô, bạn bè...) đánh giá, chứng nhận; đánh giá kết quả thực hành: kết quả thực hành cần được bản thân SV tự nhận xét, đánh giá, thầy, cô, bạn... phân tích, đánh giá ưu điểm, kết quả đạt được, hạn chế, sai sót so với mục tiêu, yêu cầu, SV giải trình, nêu những thắc mắc... rút ra bài học.

Yêu cầu thực hiện: SV cần nắm chắc lý thuyết, quy trình, kỹ thuật thực hành với việc sử dụng các phương tiện, công cụ trong không gian, thời gian, địa điểm...; có khả năng sáng tạo và linh động trong từng giai đoạn thực hành cũng như tận dụng triệt để các phương pháp, các thủ thuật đã học để nâng cao hiệu quả thực hành. Thực hành trước khi học nội dung lý thuyết: từ sự trải nghiệm thực tế, SV sẽ được thực hành theo yêu cầu của GV, đây

là khâu thực hành mang tính cảm tính nhưng giữ vai trò nền tảng quan trọng cho thành công. Thực hành sau khi học lý thuyết: áp dụng những lý thuyết vừa học vào thực hành, SV chỉ ở mức độ tái hiện, tức là bắt chước lại y nguyên những gì GV hướng dẫn. Sau khi SV thực hành ở mức độ “bắt chước”, GV sẽ hướng dẫn SV các phân tích, giải thích vì sao lại làm các bước, các khâu, các động tác như vậy. Từ đó, SV sẽ đạt được yêu cầu ở mức độ tái tạo. Thực hành sáng tạo: những bài tập thực hành được chọn với yêu cầu cao hơn, phức tạp hơn đòi hỏi SV phải huy động những kiến thức lý thuyết đã học, những kinh nghiệm thực hành. Từ đó, SV thực hành một cách thành thạo, nâng cao lên thành mức độ kỹ năng và kỹ xảo, nghệ thuật.

3.2.4. Phương pháp tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Tự kiểm tra, đánh giá: quá trình SV tự soi xét và đánh giá kết quả học tập, quá trình học tập dựa vào các tiêu chuẩn đã đề ra trong kế hoạch và nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu trong học tập của bản thân. Tự kiểm tra, đánh giá giúp SV luôn tự biết mức độ đạt và chưa đạt của quá trình học tập. Kết quả đạt và chưa đạt được là do mức độ khai thác các yếu tố của quá trình học: nội dung, phương pháp, phương tiện, điều kiện, năng lực, phẩm chất của SV, sự hợp tác của bản thân trong học tập... Từ đó, SV có những định hướng đổi mới quá trình học tập ngày càng hiệu quả cao, bản thân càng phát triển về năng lực, phẩm chất nhân cách.

Tự kiểm tra, đánh giá quá trình tự học của SV có thể được thực hiện bằng nhiều hình thức: dùng các thang đo mức độ đáp ứng yêu cầu của GV, SV tự đánh giá, so sánh với mục tiêu đặt ra ban đầu; sự đánh giá, nhận xét của tập thể thông qua thảo luận... Tất cả các hình thức này đều mang một ý nghĩa tích cực, cần được quan tâm thực hiện thường xuyên. Thông qua nó, người học tự đối thoại để thẩm định mình, hiểu được những gì thực hiện được và chưa thực hiện được để có hướng khắc phục hay phát huy, góp phần phát triển các PPH rèn luyện thao tác tư duy nhanh, sâu, độc lập, sáng tạo.

Các bước thực hiện: từ kế hoạch tự kiểm tra, đánh giá trong kế hoạch học tập (nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện, thời gian thực hiện...) SV nên tự kiểm tra, đánh giá thường xuyên, không nên để cận thời gian kiểm tra, đánh giá của GV mới

ôn tập và kiểm tra, đánh giá bản thân. Mỗi môn học có những cách tự học riêng thì cách tự kiểm tra, đánh giá cũng có tính đặc thù cho từng môn học. Sau đây là một số gợi ý về các bước tự kiểm tra, đánh giá dành cho SV: xem xét lại mục tiêu học tập, tiêu chí đánh giá của chương, học phần hoặc bài học, tùy vào phạm vi muốn tự kiểm tra, đánh giá; liệt kê các hoạt động học đã tiến hành, các sản phẩm đã có. Ví dụ: số tài liệu, số cuốn sách đã đọc, số bài viết đã hoàn tất, số buổi họp nhóm đã tham gia... SV tự trả lời các câu hỏi cho từng mục tiêu, tiêu chí đã xác định: Mức độ đã đạt là gì? Những thiếu hụt chưa hoàn thiện là gì? Lý do chưa hoàn thiện? Các biện pháp có thể khắc phục thiếu hụt là gì?

Về kỹ thuật tự kiểm tra, đánh giá thông qua hồ sơ học tập: hồ sơ học tập là một tập hợp gồm tất cả những sản phẩm mà SV đã tạo ra trong suốt một giai đoạn học tập nhất định. Ví dụ: bài viết, báo cáo, bản vẽ... Với hoạt động tự học, SV cũng có thể tạo thành một hồ sơ học tập với tất cả sản phẩm đã góp nhặt được liên quan đến hoạt động tự học. Sau đó, SV đối chiếu với mục tiêu ban đầu, đánh giá mức độ đạt được của bản thân qua các sản phẩm đó. Nhật ký học tập là một bản ghi chép lại những thành tựu mà SV đạt được trong khoá học, đối chiếu với những mục tiêu, tiêu chuẩn đã đặt

ra. Ngoài việc mỗi SV tự kiểm tra, đánh giá bản thân, họ cũng có thể tìm kiếm các ý kiến đánh giá từ GV, các bạn trong lớp, trong nhóm cho các hoạt động tự học của mình.

Các PPH có mối quan hệ biện chứng. Chúng cần thực hiện thống nhất, đồng bộ, với quy trình, kỹ thuật, thủ thuật phù hợp mới tạo nên hiệu quả học tập cao.

4. Kết luận

Có nhiều tư tưởng, quan điểm, học thuyết, xu hướng, nguyên tắc của lý luận dạy học hiện đại làm nền tảng khoa học vững chắc cho PPH. SV Trường Đại học Đồng Tháp chưa nhận thức đúng về PPH, sử dụng các PPH chỉ đạt mức trung bình yếu. Xuất phát từ tầm quan trọng đặc biệt của PPH, yêu cầu cấp thiết từ thực tiễn cần đào tạo, bồi dưỡng PPH cho SV, hệ thống PPH được xây dựng: phương pháp thu thập, xử lý thông tin, phương pháp lập và thực hiện kế hoạch học tập; phương pháp thể hiện kết quả học tập; phương pháp tự kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập. Các PPH được làm rõ khái niệm, quy trình, yêu cầu về thủ thuật, kỹ thuật thực hiện. Chúng tôi đã trưng cầu ý kiến GV, cán bộ quản lý, các PPH được xây dựng đều cần thiết, khả thi. Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài mã số CS2015.01.50./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Hồ Ngọc Đại (2003), *Cái và cách*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Văn Dân (2012), *Tổ chức hoạt động học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [3]. Thu Giang, Nguyễn Duy Cần (2010), *Tôi tự học*, NXB Thanh Niên, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [4]. Jeannett Vos Gordendryden (2000), *Cách mạng học tập*, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.
- [5]. Hoàng Lâm (2008), *12 bí quyết học tập của học sinh giỏi*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6]. Mác và Ăngghen (1980), *Tuyển tập - Tập 1*, NXB Sự thật, Hà Nội.
- [7]. Phạm Trung Thanh (1998), *PPH tập, nghiên cứu của SV cao đẳng, đại học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [8]. Phạm Quang Tuyền, Hồ Thị Hồng Vân (2016), "Lý thuyết phong cách học tập và khả năng ứng dụng trong dạy học phổ thông", *Tạp chí Giáo dục*, số 353/2016.

FORMULATING LEARNING METHODS FOR DONG THAP UNIVERSITY STUDENTS

Summary

This paper clarifies theories, thoughts, trends, modern teaching principles to lay the scientific foundation for learning methods; strengths and weaknesses of Dong Thap University students' awareness as well as practices in learning methods today. On theoretical and practical base, this learning methods system is used for student training, improving and it includes those methods of collecting, analyzing data; learning planning and practicing; outcomes-learning demonstrating; and learning self-evaluating. These methods are made clear regarding concepts, procedures, and requirements of techniques and operations.

Keywords: Dong Thap University, learning method, student.

Ngày nhận bài: 14/9/2015; Ngày nhận lại: 9/11/2015; Ngày duyệt đăng: 22/12/2015.